

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2022/HS-ST**
Ngày 08-11-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Chí Ngãi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Kim An.
2. Ông Từ Văn Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Võ Duy Khải - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2022, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi. Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 01/2022/TLST- HS, ngày 05 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 10 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trần Đức H**; tên gọi khác: Không; sinh ngày 10 tháng 01 năm 2001 tại: huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi cư trú: Thôn E, xã R, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Không; con ông Trần Đức C và bà Nguyễn Thị Kim C1Cảnh; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 25/01/2022, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Bùi Nhật T**; tên gọi khác: Không; sinh ngày 08 tháng 10 năm 2001 tại: huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi;

Nơi cư trú: Thôn Y, xã U, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Cắt tóc; con ông Bùi M và bà Đào Thị N; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân: Bị xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định số 115/QĐ-XPHC ngày 22/6/2020 của Công an huyện P, về hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản. hình thức phạt tiền: 3.500.000 đồng; đã thi hành xong ngày 25/6/2020.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 25/01/2022, có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Huỳnh B**; tên gọi khác: Không; sinh ngày 09 tháng 6 năm 2003 tại: huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi cư trú: Thôn A, xã R, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Không; con ông Huỳnh B1, và bà Trần Thị L; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 25/01/2022, có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Phạm Thị Hồng L1**; tên gọi khác: Không; sinh ngày 10 tháng 12 năm 2003 tại: huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi cư trú: Thôn D, xã G, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Công nhân; con ông Phạm Hồng D 1 và bà Lê Thị Phương C2; chồng, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 25/01/2022, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thị Hồng L1: Bà Bùi Thị Thuyết Anh - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi.

(Quyết định số 217/QĐ-TGPL ngày 25/8/2022), có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Đức C, sinh năm 1981.

Nơi cư trú: Thôn E, xã R, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Anh Huỳnh Đắc V, sinh năm 1993.

Nơi cư trú: Thôn K, xã R, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Anh Cao Tuấn H1, sinh năm 2003.

Nơi cư trú: Thôn X, xã U, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Anh Nguyễn Thanh H2, sinh năm 1998.

Nơi cư trú: Thôn E1, xã R1, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Anh Phạm Công L2, sinh năm 2003.

Nơi cư trú: Thôn B1, xã U, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Anh Lâm Lê T1, sinh năm 1995.

Nơi cư trú: Thôn K, xã R, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi.

7. Anh Nguyễn Văn L3, sinh năm 1999.

Nơi cư trú: Thôn P1, xã U, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi.

8. Anh Nguyễn Duy P2, sinh năm 2002.

Trú tại: Thôn Y1, xã Q1, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Ông Trần Đức C có mặt tại phiên tòa. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Các bị cáo Trần Đức H, Bùi Nhật T và Huỳnh B có quan hệ bạn bè quen biết. Khi bị cáo H còn thực hiện nghĩa vụ quân sự tại tỉnh Gia Lai và bị cáo T, bị cáo B đang làm thuê tại thành phố Hồ Chí Minh thì các bị cáo H, T, B liên lạc với nhau qua ứng dụng facebook trao đổi, thống nhất với nhau về việc mua ma túy đem về địa bàn tỉnh Quảng Ngãi bán kiếm tiền tiêu xài. Ngày 12 tháng 01 năm 2022, khi nhận được tiền xuất ngũ, bị cáo H chuyển khoản cho bị cáo T số tiền 10.000.000 đồng để mua ma túy. Tuy nhiên, bị cáo T chỉ sử dụng 6.000.000 đồng mua ma túy, số tiền còn lại bị cáo T mượn chi tiêu cá nhân. Ngày 13 tháng 01 năm 2022, bị cáo T và bị cáo B đến một khách sạn ở quận 12, thành phố Hồ Chí Minh (không rõ địa chỉ cụ thể) để gặp một người thanh niên tên Chiêu (không rõ lai lịch) quê ở Quảng Ngãi, là người có quen biết với bị cáo T để trao đổi về việc mua ma túy và Chiêu đã bán ma túy cho bị cáo T, bị cáo B với số tiền 6.000.000 đồng. Sau đó, bị cáo T giao ma túy cho bị cáo B mang về quê cất giấu tại nhà ở thôn A, xã R, huyện Q. Ngày 13 tháng 01 năm 2022, bị cáo H xuất ngũ về nhà ở thôn E, xã R, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi; đến ngày 18 tháng 01 năm 2022 bị cáo B đem ma túy đến giao cho bị cáo H cất giữ. Sáng ngày 21 tháng 01 năm 2022, bị cáo T từ thành phố Hồ Chí Minh về nhà ở thôn Y, xã U, huyện Q, đến khoảng 11 giờ ngày 21 tháng 01 năm 2022, khi bị cáo H đem ma túy đến nhà của bị cáo T để cùng phân chia ma túy thành các tép thì Huỳnh Đức Viên gọi điện cho bị cáo H mua 01 tép ma túy giá 400.000 đồng; bị cáo T lấy ma túy bỏ trong giấy bạc, với số lượng tương đương 01 tép giá 400.000 đồng; bị cáo H và bị cáo B đi giao ma túy cho V tại thôn A1, xã R. Sau đó, các bị cáo H, T và B đến nhà nghỉ Anh T ở gần cầu Sông Vệ thuê phòng nghỉ, tại đây bị cáo T dùng ống nhựa, kéo, máy lửa để cùng phân chia ma túy thành 30 tép các loại (mỗi tép là 01 đoạn ống nhựa được hàn kín 02 đầu bên trong chứa ma túy đá) nhằm mục đích bán cho người khác; đồng thời, khi phân chia ma túy thì T để lại số lượng khoảng 01 tép ma túy và một mình sử dụng. Bị cáo H giao cho bị cáo B cất giữ 11 tép ma túy để bán, bị cáo H cất giữ 19 tép để bán. Khoảng 12 giờ ngày 22 tháng 01 năm 2022, bị cáo T đến nhà bị cáo B để lấy 01 tép ma túy bán cho Huỳnh Đức V và bị cáo B chở bị cáo T đi giao ma túy cho

V tại thôn A1, xã R. Đến khoảng 16 giờ ngày 22 tháng 01 năm 2022, Cao T H1 liên lạc với bị cáo T hỏi mua 01 tép ma túy giá 400.000 đồng, hẹn giao ma túy tại cầu A1; bị cáo T nói bị cáo B lấy 01 tép ma túy rồi cả hai đem ma túy đến cầu A1 bán cho H1. Tối ngày 22 tháng 01 năm 2022, Nguyễn Văn L3 đến gặp bị cáo T mua 01 tép ma túy giá 400.000 đồng, bị cáo T chở L1 đến nhà của bị cáo H để lấy ma túy, trả tiền cho bị cáo H số tiền 300.000 đồng, bị cáo T lấy số tiền 100.000 đồng. Trưa ngày 23 tháng 01 năm 2022, Huỳnh Đắc V liên lạc với T hỏi mua 03 tép ma túy, bị cáo T đến gặp bị cáo H để lựa chọn các tép ma túy giao cho V, sau đó bị cáo H và bị cáo T đi giao ma túy, V đưa cho bị cáo H số tiền 1.000.000 đồng.

Ngoài ra, bị cáo H còn trao đổi với bạn gái là bị cáo Phạm Thị Hồng L1 về nội dung “biết ai sử dụng ma túy, giới thiệu H bán ma túy”, sau đó bị cáo L1 biết Nguyễn Thanh H2 sử dụng ma túy nên liên lạc giới thiệu H2 mua ma túy. Khoảng 15 giờ ngày 23 tháng 01 năm 2022, H2 nhắn tin qua messenger cho bị cáo L1 hỏi mua 01 tép ma túy giá 400.000 đồng, hẹn giao ma túy tại nhà trọ U1 ở TDP M1, thị trấn N1, huyện Q, bị cáo L1 đồng ý và nói cho bị cáo H việc H2 mua ma túy, bị cáo H điều khiển xe mô tô biển số 76F1-323.48 chở bị cáo L1 đem ma túy đến trước nhà trọ U1 giao cho H2. Khoảng 14 giờ ngày 24 tháng 01 năm 2022, H2 nhắn tin cho bị cáo L1 hỏi mua 01 tép ma túy giá 400.000 đồng, giao tại trước nhà trọ U1, đến khoảng 15 giờ cùng ngày, bị cáo H điều khiển xe máy biển số 76F1-323.48 chở bị cáo L1 đem ma túy đến trước nhà trọ U1 giao cho H2, tuy nhiên H2 bận công việc nên nhờ Nguyễn Duy P2 nhận giúp H2 và đưa cho bị cáo H số tiền 400.000 đồng. Khoảng 15 giờ ngày 25 tháng 01 năm 2022, H2 nhắn tin cho bị cáo L1 hỏi mua 03 tép ma túy với giá 1.200.000 đồng và bị cáo L1 đồng ý. Sau đó, bị cáo H điều khiển xe mô tô biển số 76F1-323.48 chở bị cáo L1 đem 03 tép ma túy đến trước nhà trọ U1 để giao cho H2, khi đang chờ giao, nhận ma túy thì bị tổ công tác Công an huyện Q phát hiện và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ: 01 túi ni lông màu trắng, bên trong chứa 03 đoạn ống nhựa màu xanh được hàn kín hai đầu, trong đó: 02 đoạn kích thước (2,9 x 0,7) cm, 01 đoạn có kích thước (2,2 x 0,7) cm; các điện thoại di động và xe mô tô biển số 76F1-323.48

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của bị cáo Trần Đức H tại thôn E, xã R, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi phát hiện thu giữ 01 túi ni lông màu trắng, kích thước (7,6 x 6,5) cm, một đầu túi hở, bên trong chứa 01 miếng ni lông màu trắng, kích thước (18,4 x 14) cm được cuộn lại, bên trong có 10 đoạn ống nhựa màu xanh, có sọc trắng, được hàn kín hai đầu, có kích thước giống nhau (2,5 x 0,7) cm.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của bị cáo Huỳnh B tại thôn A, xã R, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi phát hiện thu giữ 01 túi ni lông màu trắng, kích thước (9,8 x 6,5) cm, miếng túi trong trạng thái khóa, bên trong có 08 đoạn ống nhựa màu xanh, có sọc trắng, được hàn kín hai đầu gồm: 07 đoạn ống nhựa có kích thước giống nhau (2,6 x 0,7) cm và 01 đoạn ống nhựa kích thước (3,7 x 0,7) cm.

Quyết định trưng cầu giám định số 16/QĐ(HS), ngày 26 tháng 01 năm 2022, trưng cầu giám định chất ma túy đối với 21 đoạn ống nhựa (các đối tượng khai bên

trong có chứa chất ma túy) thu giữ của bị cáo Trần Đức H, bị cáo Huỳnh B và khi bắt quả tang bị cáo Phạm Thị Hồng L1.

Kết luận giám định số 83/KLGD-PC09, ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi kết luận:

“Chất rắn dạng hạt tinh thể màu trắng bên trong 03 đoạn ống nhựa trong bì niêm phong mã số NS4.1915798 gửi giám định là ma túy; loại: Methamphetamine; khối lượng mẫu: 0,50 gam.

Chất rắn dạng hạt tinh thể màu trắng bên trong 08 đoạn ống nhựa trong bì niêm phong mã số NS4.1915760 gửi giám định là ma túy; loại Methamphetamine; khối lượng mẫu: 0,82 gam.

Chất rắn dạng hạt tinh thể màu trắng bên trong 10 đoạn ống nhựa trong bì niêm phong mã số NS4.1915761 gửi giám định là ma túy; loại Methamphetamine; khối lượng mẫu: 1,13 gam.

Do đó, tổng khối lượng mẫu ma túy loại Methamphetamine bên trong các túi niêm phong gửi giám định là 2,45 gam.

Methamphetamine là chất ma túy nằm trong danh mục II, STT 323, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ”. (Bút lục 110-111).

Kết luận giám định số 12/KLGD-PC09, ngày 28 tháng 02 năm 2022 và kết luận giám định số 404/KLGD-PC09, ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi về dữ liệu lưu trữ trong điện thoại di động của các bị cáo Trần Đức H, Bùi Nhật T, Huỳnh B, Phạm Thị Hồng L1 phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra.

Cáo trạng số 20/CT-VKS-NH, ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q truy tố các bị cáo Trần Đức H, Bùi Nhật T, Huỳnh B và Phạm Thị Hồng L1 về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự.

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q đã truy tố, thừa nhận hành vi mua bán nhiều lần trái phép chất ma túy cho nhiều người vì vụ lợi.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa trình bày luận tội; giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung Cáo trạng đã công bố; đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên xử các bị cáo Trần Đức H, Bùi Nhật T, Huỳnh B và Phạm Thị Hồng L1 về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 khoản 02 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Đức H, Bùi Nhật T từ 08 đến 09 năm tù; bị cáo Huỳnh B và Phạm Thị Hồng L1 từ 07 đến 08 năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo;

Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không tranh luận về tội danh và khung hình phạt đối với luận tội của Đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt; người bào chữa cho bị cáo L1 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo L1 vì đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, hoàn cảnh gia đình rất khó khăn và đề nghị miễn tiền án phí cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với vật chứng đã thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Các bị cáo Trần Đức H, Bùi Nhật T, Huỳnh B và Phạm Thị Hồng L1 là những người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn thu lợi bất chính nên Trần Đức H, Bùi Nhật T và Huỳnh B mua ma túy và phân chia, bán lại cho người khác nhiều lần từ ngày 21 đến ngày 25 tháng 01 năm 2022. Riêng bị cáo Phạm Thị Hồng L1 là người giao ma túy giúp cho bị cáo Trần Đức H vào ngày 23, 24 và 25 tháng 01 năm 2022 nhận tiền từ người mua ma túy nên các bị cáo là đồng phạm với vai trò người thực hành. Theo Kết luận giám định số 83/KLGD-PC09, ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi xác định: Ma túy thu giữ khi bắt quả tang và thu giữ tại nơi ở của bị cáo H và bị cáo B là loại Methamphetamine khối lượng là 2,45 gam.

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng:

Đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn, có bàn bạc trước, chuẩn bị sẵn, công cụ, phương tiện phạm tội, các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự cố ý cùng thực hiện hành vi, với mục đích vụ lợi nên đã cố ý mua bán trái phép chất ma túy với người khác. Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước về ma túy, về trật tự - an toàn xã hội, là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương nên đã đủ yếu tố

cấu thành tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” được quy định tại Điều 17, Điều 251 của Bộ luật hình sự.

Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, truy tố các bị cáo về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Theo số liệu thống kê thời gian qua, Nhà nước đã nỗ lực, thực hiện nhiều biện pháp để giải quyết tệ nạn ma túy. Nhưng vấn đề ma túy, tội phạm ma túy vẫn diễn biến phức tạp, có tính chất liều lĩnh, buôn bán với khối lượng lớn, bằng nhiều con đường khác nhau, có cả trung chuyển từ nước ta để đưa sang các nước khác và ngược lại. Việc lạm dụng ma túy đá, ma túy tổng hợp ngày càng tăng; số người nghiện ma túy trong độ tuổi lao động ngày càng nhiều và có xu hướng trẻ hóa. Các vụ trọng án đều có dính dáng đến việc sử dụng ma túy. Thực tế, bị cáo là những người còn trẻ muốn có ma túy để sử dụng nên đã cố ý mua bán trái phép chất ma túy với mục đích kiếm lời và thỏa mãn nhu cầu cá nhân của mình; việc mua bán trái phép chất ma túy có nguy cơ làm tăng số lượng người nghiện ma túy trong cộng đồng, là một trong các nguyên nhân gia tăng tội phạm; tai nạn giao thông. Do đó, phải xử lý nghiêm khắc để giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa chung.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo thấy rằng:

[3.1] Đối với bị cáo Bùi Nhật T: Là người khởi xướng, chủ động liên lạc với các bị cáo H, B để góp tiền mua ma túy và là người trực tiếp mua ma túy; đồng thời, cùng tham gia phân chia đóng gói các tép ma túy bán cho những người khác, có vai trò quan trọng nhất trong vụ án và là người có nhân thân xấu.

[3.2] Đối với bị cáo Huỳnh B: Là người cùng bàn bạc, thực hiện hành vi đóng gói và thực hiện việc mua bán ma túy nên phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của mình; hành vi của bị cáo B nhẹ hơn hành vi của bị cáo T.

Tại cơ quan Điều tra và tại phiên tòa, bị cáo T và bị cáo B đã thành khẩn khai báo; ông ngoại bị cáo T, bà ngoại của bị cáo B là người có công cách mạng nên xem đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 02 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo T và bị cáo B có hai tình tiết giảm nhẹ (01 tình tiết ở khoản 1, 01 tình tiết ở khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự), không có tình tiết tăng nặng; không có nghề nghiệp ổn định, bị cáo T có sử dụng ma túy, nên buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định với mức hình phạt thấp mà Đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị cũng đủ tác dụng răn đe và giáo dục bị cáo phù hợp Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự.

[3.3] Đối với bị cáo Trần Đức H: Là người chuyển tiền mua ma túy, thực hiện hành vi đóng gói và thực hiện việc mua bán ma túy nên phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của mình.

Tuy nhiên, tại cơ quan Điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thành tích xuất sắc trong công tác, có ông ngoại là người có công cách mạng nên xem đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo có ba tình tiết giảm nhẹ (02 tình tiết ở khoản 1, 01 tình tiết ở khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự), không có tình tiết tăng nặng; không có nghề nghiệp ổn định, nên buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định với mức hình phạt thấp hơn mức hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị cũng đủ tác dụng răn đe và giáo dục bị cáo phù hợp Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự.

[3.4] Đối với bị cáo Phạm Thị Hồng L1 là người giao ma túy giúp cho bị cáo H và nhận tiền từ người mua ma túy nên phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của mình; hành vi của bị cáo L1 nhẹ hơn các bị cáo khác.

Tại cơ quan Điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ông nội là người có công cách mạng nên xem đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ (01 tình tiết ở khoản 1, 01 tình tiết ở khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự), không có tình tiết tăng nặng, nên buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định với mức hình phạt thấp mà Đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị cũng đủ tác dụng răn đe và giáo dục bị cáo phù hợp Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có điều kiện kinh tế nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[4] Trong quá trình điều tra cơ quan công an đã xác định:

- Đối với người có tên “Chiêu”, không rõ lai lịch, quê ở Quảng Ngãi đã bán ma túy cho bị cáo T, B vào ngày 13 tháng 01 năm 2022, qua nội dung lời khai của T, B không có cơ sở để xác minh, xác định lai lịch người tên Chiêu nêu trên, khi nào phát hiện sẽ làm việc, xử lý theo quy định pháp luật.

- Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của những người liên quan Huỳnh Đắc V, Cao Tuấn H1, Nguyễn Thanh Hà. Công an huyện Q đã xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt cảnh cáo là thỏa đáng.

- Đối với hành vi của Phạm Công L2 là người góp tiền với Cao Tuấn H1. Lâm Lê T1 góp tiền với Huỳnh Đắc V mua ma túy sử dụng. Hành vi Nguyễn Văn L3 mua ma túy sử dụng; Cơ quan Cảnh sát điều tra đã triệu tập L2, T1 và L3 để làm việc, tuy nhiên L2, T1 và L3 không có mặt tại địa phương, khi làm việc được sẽ tiến hành xử lý theo quy định của pháp luật.

- Đối với Nguyễn Duy P2, ngày 24 tháng 01 năm 2022, nhận hàng giúp Nguyễn Thanh H2, tuy nhiên, H2 không nói và P2 không biết hàng mình nhận giúp H2 là ma túy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

- Đối với xe mô tô biển số 76F1-323.48, nhãn hiệu Hon da, loại xe SH125I, màu sơn đỏ đen, số máy JF95E0012104, số khung 9507LY001104 do bị cáo Trần Đức H sử dụng ngày 25 tháng 01 năm 2022. Căn cứ kết quả điều tra xác định xe mô tô trên là tài sản do ông Trần Đức C (cha ruột của bị cáo H) mua và đứng tên sở hữu, đăng ký xe ngày 16 tháng 01 năm 2020. Việc bị cáo H điều khiển xe máy chở bạn gái bán trái phép chất ma túy ông C không biết. Nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại xe này cho ông C quản lý, sử dụng là đúng quy định.

[5] Về dân sự: Không có ai có yêu cầu gì nên không xét.

[6] Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự:

Buộc các bị cáo liên đới nộp vào ngân sách nhà nước số tiền do phạm tội mà có tổng cộng 2.975.000 đồng (3.000.000 đồng trừ 25.000 đồng). Mỗi bị cáo phải nộp 743.750 đồng.

[7] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu, tiêu hủy vật chứng là vật, cấm tàng trữ gồm: 01 (một) bì thư được niêm phong số 83/ PC09(GĐ-2021) trên giáp lai có dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi, bên trong có 2,15 gam mẫu ma túy; loại Methamphetamine; cùng toàn bộ vỏ, bao gói niêm phong còn lại giám định;

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước vật chứng là vật, công cụ dùng vào việc phạm tội gồm:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu xanh nhạt, model: V2027, IMEI1: 862310051384873, IMEI2: 862310051384865 bên trong có thẻ sim Viettel có dãy số 8984048000315798264 và thẻ sim Mobifone có dãy số 8401200233256516.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu VSMART, màu tím nhạt, model: V430A, IMEI 1 : 351726114518462; IMEI 2 : 351726114518470, bên trong thân máy có gắn thẻ sim Viettel có dãy số: 9884048000301706799.

+ 01 điện thoại di động, nhãn hiệu iPhone màu trắng, model: A2111, IMEI 352906117257016 bên trong thân máy có gắn thẻ sim Mobifone có dãy số: 8401190350009854

+ 01 điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO, màu vàng đồng, model A37F, IMEI 1: 861570038103297, IMEI 2: 861570038103289, bên trong thân máy có gắn thẻ sim Viettel có dãy số: 8984048000302258039

+ Số tiền 25.000 đồng trong số tiền 2.015.000 đồng (Hai triệu không trăm mười lăm nghìn đồng).

- Hoàn trả số tiền 1.990.000 đồng cho bị cáo Phạm Thị Hồng L1 vì không phải là vật chứng trong vụ án. Trong số tiền 2.015.000 đồng (Hai triệu không trăm mười

lăm nghìn đồng) tại tài khoản số 3949.0.1041648.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q tại Kho bạc Nhà nước huyện Q.

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 21 tháng 10 năm 2022 giữa Cơ quan điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q.

[8] Về án phí:

Bị cáo Trần Đức H, Bùi Nhật T, Huỳnh B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm quy định tại khoản 2 Điều 136; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Phạm Thị Hồng L1 được miễn tiền án phí hình sự quy định tại Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[9] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa về tội danh, về mức hình phạt đối với các bị cáo Bùi Nhật T, Huỳnh B và Phạm Thị Hồng L1; về phần dân sự và xử lý vật chứng là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận. Về mức hình phạt đối với bị cáo Trần Đức H là hơi cao.

Đề nghị của người bào chữa cho bị cáo L1 về giảm nhẹ hình phạt và đề nghị miễn tiền án phí cho bị cáo có cơ sở nên chấp nhận.

[10] Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 251; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Bùi Nhật T, Huỳnh B và Phạm Thị Hồng L1.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 251; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Trần Đức H.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Trần Đức H, Bùi Nhật T, Huỳnh B và Phạm Thị Hồng L1 phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt bị cáo Bùi Nhật T, 08 (Tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày từ ngày 25/01/2022 (Ngày bắt tạm giữ, tạm giam).

Xử phạt bị cáo Huỳnh B 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày từ ngày 25/01/2022 (Ngày bắt tạm giữ, tạm giam).

Xử phạt bị cáo Trần Đức H 07 (Bảy) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày từ ngày 25/01/2022, (Ngày bắt tạm giữ, tạm giam).

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Hồng L1 07 (Bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày từ ngày 25/01/2022 (Ngày bắt tạm giữ, tạm giam).

Tiếp tục tạm giam các bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

2. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự:

Buộc các bị cáo liên đới nộp vào ngân sách nhà nước số tiền do phạm tội mà có tổng cộng 2.975.000 đồng (Hai triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Mỗi bị cáo phải nộp 743.750 đồng (Bảy trăm bốn mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu, tiêu hủy vật chứng là vật, cấm tàng trữ gồm: 01 (một) bì thư được niêm phong số 83/ PC09(GĐ-2021) trên giáp lai có dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi, bên trong có 2,15 gam mẫu ma túy; loại Methamphetamine; cùng toàn bộ vỏ, bao gói niêm phong còn lại giám định.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước vật chứng là vật, công cụ dùng vào việc phạm tội gồm:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu xanh nhạt, model: V2027, IMEI1: 862310051384873, IMEI2: 862310051384865 bên trong có thẻ sim Viettel có dãy số 8984048000315798264 và thẻ sim Mobifone có dãy số 8401200233256516.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu VSMART, màu tím nhạt, model: V430A, IMEI 1 : 351726114518462; IMEI 2 : 351726114518470, bên trong thân máy có gắn thẻ sim Viettel có dãy số: 9884048000301706799.

+ 01 điện thoại di động, nhãn hiệu iPhone màu trắng, model: A2111, IMEI 352906117257016 bên trong thân máy có gắn thẻ sim Mobifone có dãy số: 8401190350009854

+ 01 điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO, màu vàng đồng, model A37F, IMEI 1: 861570038103297, IMEI 2: 861570038103289, bên trong thân máy có gắn thẻ sim Viettel có dãy số: 8984048000302258039

+ Số tiền 25.000 đồng trong số tiền 2.015.000 đồng (Hai triệu không trăm mười lăm nghìn đồng) tại tài khoản số 3949.0.1041648.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q tại Kho bạc Nhà nước huyện Q.

- Hoàn trả số tiền 1.990.000 đồng cho bị cáo Phạm Thị Hồng L1 vì không phải là vật chứng trong vụ án. Trong số tiền 2.015.000 đồng (Hai triệu không trăm mười lăm nghìn đồng) tại tài khoản số 3949.0.1041648.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q tại Kho bạc Nhà nước huyện Q.

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 21 tháng 10 năm 2022 giữa Cơ quan điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 bộ luật tố tụng hình sự; Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo Trần Đức H, Bùi Nhật T, Huỳnh B mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung ngân sách nhà nước.

Bị cáo Phạm Thị Hồng L1 được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Nhà tạm giữ CA huyện Q;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Q;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Q;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- UBND xã R, huyện Q;
- UBND xã U, huyện Q;
- UBND xã G, huyện S;
- Bị cáo; người có liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án; lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Chí Ngãi